

Bản án số: 79/2023/DS-ST
Ngày: 22/9/2023
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Lưu Dũng Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2023/TLST-DS ngày 21/6/2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXX-ST ngày 15/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại C. Địa chỉ: đường C, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phan Duy B, sinh năm: 1987

Địa chỉ: đường B, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 09/3/2021, ông Phan Duy B có ký với Ngân hàng C (gọi tắt là Ngân hàng) giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức 15.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do ông B không trả nợ cho ngân hàng nên đến ngày 10/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn. Qua nhiều lần làm việc nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phải thanh toán dứt điểm dư nợ của hợp đồng nêu trên. Tính đến ngày 22/9/2023, tổng số tiền nợ gốc 17.015.435đ và nợ lãi 4.612.272đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 21.627.707đ.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Tuy Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ngày 09/3/2021, ông Phan Duy B có ký với Ngân hàng C (gọi tắt là Ngân hàng) giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với hạn mức 15.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông Phan Duy B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Như vậy khoản vay của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng áp dụng lãi suất quá hạn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên. Tính đến ngày 22/9/2023, số tiền nợ gốc 17.015.435đ và nợ lãi 4.612.272đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 21.627.707đ.

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Phan Duy B phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bị đơn ông Phan Duy B phải trả nợ vay cho Ngân hàng C số tiền 21.627.707đ (hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy đồng). Trong đó gốc 17.015.435đ và lãi 4.612.272đ.

Kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn ông Phan Duy B còn phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Phan Duy B phải chịu 1.081.000đ (một triệu không trăm tám mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng C số tiền 447.000đ (bốn trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0009797 ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoa Dung

-Tại đơn khởi kiện nhận ngày 28/9/2021 và quá trình thu thập tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/6/2020, giữa Ngân hàng Sacombank chi nhánh Phú Yên và Công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng ký hợp đồng tín dụng số 20202545667 vay số tiền 2.800.000.000đ. Ngày 30/6/2020, ký thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số BS01/202025453667, nâng hạn mức lên 3.000.000.000. Theo giấy nhận nợ số 03/LD/2103200415 vào ngày 01/2/2021, thể hiện nội dung công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng được Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Phú Yên cấp tín dụng với số tiền 3.000.000.000đ, giải ngân vào số tài khoản 040027506404, chủ tài khoản Công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng, thời hạn vay 06 tháng, đáo hạn vào ngày 01/8/2021, lãi suất 8,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Thanh toán nợ lãi trả hàng tháng, đến ngày 08/3/2021, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi vay, nên khoản nợ vay chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng nhưng công ty không thực hiện trả nợ. Tại Biên bản làm việc ngày 07/3/2022, giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Phú Yên và Công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng thỏa thuận cam kết thanh toán số tiền vay cho Ngân hàng đến ngày 31/3/2022, thì Ngân hàng sẽ giảm công ty số tiền lãi 184.657,457đ. Nhưng đến ngày 31/3/2022, công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Ngày 01/4/2022, Ngân hàng có thông báo số 76/2022/TB-CNPY về việc chấm dứt miễn giảm lãi vay đối với công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng. Tính đến ngày 10/5/2022, công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng còn nợ gốc 3.000.000.000đ, lãi trong hạn 98.400.000đ, lãi quá hạn 285.090.411đ, lãi phạt quá hạn 9.173.598đ.

Để thực hiện hợp đồng vay, vào ngày 07/6/2019 bà Lê Thị Oanh Xuân (con của bà Trần Thị Phụng) thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại 64/2 Nguyễn Trãi, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 826670 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 011433 do UBND thành phố Tuy Hòa cấp ngày 12/12/2012, cập nhật biến động ngày 18/5/2016, theo hợp đồng thế chấp số 264/TC-19 ngày 7/6/2019 và các phụ lục hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Phú Yên và bà Lê Thị Oanh Xuân. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 07/6/2019 tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Vì công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn đối với khoản vay trên và lãi

suất theo hợp đồng tín dụng đã ký. Đồng thời Nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

-Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng do người đại diện theo pháp luật bà Trần Thị Phụng trình bày: Phần trình bày của nguyên đơn tôi hoàn toàn đồng ý, không có ý kiến gì. Tôi xin Ngân hàng chốt nợ gốc và lãi đến ngày 19/11/2021, xin không trả lãi quá hạn. Tạo điều kiện cho công ty trả nợ. thời gian trả nợ trong vòng 06 tháng. Mong Ngân hàng chấp nhận. Tôi có nhận thông báo cho bà Lê Thị Oanh Xuân (con tôi) tham gia hòa giải nhưng con tôi có công việc nên không tham gia được.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều 9 Hợp đồng tín dụng; Điều 4, Điều 5 Hợp đồng thế chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 2020254453667 ngày 13/6/2020 và giấy nhận nợ số 03-LD 2103200415 ngày 01/2/2021 thì công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng được Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Phú Yên cấp tín dụng với số tiền vay 3.000.000.000đ, giải ngân vào số tài khoản 040027506404, chủ tài khoản Công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng, thời hạn vay 06 tháng, đáo hạn vào ngày 01/8/2021, lãi suất 8,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Thanh toán nợ lãi trả hàng tháng, đến ngày 08/3/2021, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi vay, nên khoản nợ vay chuyển sang nợ quá hạn.

Đây là hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 6 của Hợp đồng quy định “ngày trả lãi ngày 07 hàng tháng”. Đối chiếu theo quy định tại khoản 2.1 Điều 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng số 202025453667 ký ngày 13/6/2020) của hợp đồng quy định “chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại của hợp đồng này và các hợp đồng tín dụng khác (nếu có) dù chưa đến hạn cũng được chuyển sang nợ quá hạn. Khi đó Ngân hàng Sacombank được áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật gồm cả xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ”, theo quy định tại Điều 2.4 hợp đồng quy định “trường hợp chậm trả nợ gốc thì bên được cấp tín dụng đồng ý mức lãi suất nợ quá hạn...”. Đến ngày 08/3/2021, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi vay, nên khoản nợ vay chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy ngân hàng đã thông báo chấm dứt cho vay thu hồi nợ, thông báo khoản vay của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng áp dụng lãi suất quá hạn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên. Tính đến ngày 10/5/2022, công ty TNHH thương mại Phụng Hoàng còn nợ gốc 3.000.000.000đ, lãi trong hạn 98.400.000đ, lãi quá hạn 285.090.411đ, lãi phạt quá hạn 9.173.598đ.

[2.2] Đối với hợp đồng thế chấp số 264/TC-19 ngày 07/6/2019 và các phụ lục hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Phú Yên và bà Lê Thị Oanh Xuân thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại 64/2 Nguyễn Trãi, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 826670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 001433 do UBND thành phố Tuy Hòa cấp ngày 12/12/2012 cho ông Lê Đức Hoàng, bà Trần Thị Phụng chuyển nhượng cho bà Lê Thị Oanh Xuân, sinh năm 1986, số CMND 221147679. Địa chỉ: 118 Lê Trung Kiên, phường 2, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo hồ sơ số 010273.CN.002, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ngày 18/5/2016. Hợp đồng này được đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tuy Hòa theo đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự. Do đó hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký. Theo quy định tại khoản 5 Điều 351 Bộ luật dân sự quy định “...giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”. Theo quy định tại Điều 355 Bộ luật dân sự quy định “trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định”. Theo quy định tại khoản 2.1 Điều 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng số 202025453667 ký ngày 13/6/2020) của hợp đồng quy định “Sacombank được áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật gồm cả xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ”. Theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng thế chấp quy định “ Sacombank được quyền xử lý tài sản bảo đảm...” Do đó đối chiếu quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 2.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại 64/2 Nguyễn Trãi, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được chấp nhận”. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn 2.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 463; Điều 466; Điều 468, 470, 317, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Phụng Hoàng phải trả nợ vay cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2020254453667 ngày 13/6/2020 và giấy nhận nợ số 03-LD 2103200415 ngày 01/2/2021 là 3.392.664.009đ (ba tỷ ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm không chín đồng). Trong đó nợ gốc 3.000.000.000đ, lãi trong hạn 98.400.000đ, lãi quá hạn 285.090.411đ, lãi phạt quá hạn 9.173.598đ (tính đến ngày 10/5/2022)

Kể từ ngày 11/5/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Phụng Hoàng còn phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Phụng Hoàng chưa thi hành số tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16. Địa chỉ thửa đất tại 64/2 Nguyễn Trãi, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, diện tích 191,2 m² và nhà ở địa chỉ 64/2 Nguyễn Trãi, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, diện tích xây dựng 191,2 m², diện tích sàn: 573,6 m², kết cấu tường gạch mái ngói, sàn BTCT, trần thạch cao, nền ceramic, nhà cấp 3, số tầng 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 8826670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01433 do UBND thành phố Tuy Hòa cấp ngày 12/12/2012 và đăng ký biến động ngày 18/5/2016 của bà Lê Thị Oanh Xuân là chủ sở hữu để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của nguyên đơn công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Phụng Hoàng để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Phụng Hoàng phải chịu 99.853.000đ (chín mươi chín triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 47.468.000đ (bốn mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004740 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Áp dụng Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Phụng Hoàng hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín 2.000.000đ (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Các Điều 463; Điều 466; Điều 468, 470, 317, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Bích Dọn phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam số tiền vay cụ thể của từng hợp đồng như sau:

-Hợp đồng số 0520/HDHM/PTBD ngày 20/5/2020 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 1020/HDSDHM-PTBD ngày 09/10/2020 (bao gồm dư nợ theo hợp đồng cho vay số 0220/HDHM/PTBD ngày 04/02/2020 và Hợp đồng cho vay số 0519/HDHM/PTBD ngày 22/5/2019) là 2.322.440.600đ (hai tỷ ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn sáu trăm đồng) trong đó gốc: 2.200.000.000đ, lãi trên dư nợ gốc trong hạn 103.687.997đ, lãi phạt trên dư nợ gốc quá hạn 18.752.603đ (tính đến ngày 21/4/2021)

-Hợp đồng số 0720/HDTL-PTBĐ ký ngày 23/7/2020 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 1020/HDSDTL-PTBD ngày 09/10/2020 (tính đến ngày 21/4/2021) là 314.715.617đ (ba trăm mười bốn triệu bảy trăm mười lăm ngàn sáu trăm mười bảy đồng) trong đó gốc: 300.000.000đ, lãi trên dư nợ gốc trong hạn 14.715.617đ.

Kể từ ngày 22/4/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc, bà Phạm Thị Bích Dọn còn phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bà Phạm Thị Bích Dọn chưa thi hành số tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số D4-I-C-d. Địa chỉ thửa đất tại Khu dân cư dọc đường Trần Phú, phường 2, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 824394, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01199 do UBND thành phố Tuy Hòa cấp ngày 09/9/2014 của bà Phạm Thị Bích Dọn là chủ sở hữu để thu

hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phạm Thị Bích Dọn để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Phạm Thị Bích Dọn phải chịu 84.743.000đ (tám mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam số tiền 41.311.000đ (bốn mươi một triệu ba trăm mười một ngàn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2015/0000701 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Căn cứ hợp đồng tín dụng ngày 13/6/2020 và giấy nhận nợ ngày 01/02/2021 công ty TNHH Phụng Hoàng có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ với hạn mức 3.000.000.000đ, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 06 tháng, kỳ trả nợ gốc ngày

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Đinh Trọng Nghĩa phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày 30/3/2022 là 40.727.423đ. (bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi ba đồng). Trong đó gốc 23.675.857đ (hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng); nợ lãi 17.051.566đ (mười bảy triệu không trăm năm mươi một ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng)

Kể từ ngày 31/3/2022, bị đơn ông Đinh Trọng Nghĩa còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Đinh Trọng Nghĩa phải chịu 2.036.000đ (hai triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng) án phí DS-ST.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 830.000đ (tám trăm ba mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004844 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoa Dung

